

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02190**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật chuyên ngành kế toán**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020074	Huỳnh Băng	Băng	26/07/2009			8	10	9.0	9.0			10.0		9.6
2	2453403020075	Võ Thị Kim	Chi	19/06/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
3	2453403020076	Trần Khánh	Duy	03/02/2009			8	8	9.0	10.0			10.0		9.6
4	2453403020077	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2009			10	10	9.0	10.0			8.0		8.7
5	2453403020078	Hà Phong	Đạt	05/08/2009			10	10	9.0	10.0			10.0		9.9
6	2453403020079	Kiều Thanh	Đức	29/04/2008			8	8	7.0	8.0			10.0		9.1
7	2453403020080	Âu Kỳ Hiếu	Em	23/04/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
8	2453403020081	Huỳnh Gia	Hân	25/07/2009			10	10	9.0	9.0			9.0		9.1
9	2453403020082	Lâm Kiến	Hồng	19/09/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
10	2453403020083	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	17/04/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
11	2453403020084	Dương Lê	Huy	08/10/2009			9	10	9.0	9.0			9.0		9.1
12	2453403020085	Nguyễn Quốc	Kỳ	17/10/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
13	2453403020086	Nguyễn Đình	Lợi	16/08/2009			7	10	7.0	10.0			9.5		9.1
14	2453403020087	Nur Juliy Ah	Mach	29/05/2008			7	10	10.0	10.0			10.0		9.8
15	2453403020088	Trần Gia	Mãng	25/09/2009			10	10	10.0	10.0			10.0		10.0
16	2453403020089	Thái Hoàng	Minh	14/06/2009			10	10	7.0	9.0			6.5		7.4
17	2453403020090	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	02/06/2001			10	10	10.0	10.0			10.0		10.0
18	2453403020091	Lê Bảo	Ngọc	04/10/2009			8	10	9.0	9.0			8.0		8.4
19	2453403020092	Trần Kim	Ngọc	16/05/2009			9	10	10.0	9.0			10.0		9.8
20	2453403020093	Đặng Thị Mỹ	Như	15/01/2009			9	10	9.0	9.0			9.0		9.1
21	2453403020094	Phạm Hoàng	Phúc	04/04/2009			9	10	9.0	9.0			0.0	0.0	3.7
22	2453403020095	Siti	Saphira	18/03/2009			10	10	10.0	10.0			10.0		10.0
23	2453403020096	Bùi Đặng Hữu	Tài	16/04/2009			9	10	9.0	9.0			7.0		7.9
24	2453403020097	Nguyễn Thọ	Thành	29/12/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
25	2453403020098	Dương Nhật	Thị	04/05/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
26	2453403020099	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	07/08/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
27	2453403020100	Trịnh Phú	Trạng	04/03/2008			9	9	9.0	8.0			7.5		8.0
28	2453403020101	Nguyễn Lê Bích	Trâm	24/06/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
29	2453403020102	Phan Thái Ngọc	Trâm	28/08/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
30	2453403020103	Đinh Đào Thanh	Trúc	30/07/2009			10	10	10.0	9.0			10.0		9.9
31	2453403020104	Hồ Thị Cẩm	Tú	30/12/2009			9	10	10.0	10.0			10.0		9.9
32	2453403020105	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyền	11/08/2009			8	10	10.0	9.0			9.0		9.1
33	2453403020106	Đinh Phạm Mỹ	Uyên	09/11/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
34	2453403020107	Nguyễn Thị Kim	Uyên	08/01/2009			9	10	9.0	9.0			10.0		9.7
35	2453403020108	Nguyễn Thị Mai	Vàng	19/09/2009			8	10	9.0	9.0			9.5		9.3
36	2453403020109	Lâm Yến	Vý	04/02/2009			8	10	7.0	10.0			10.0		9.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020110	Nguyễn Tường Vy	15/10/2009			9	10	9.0	10.0			10.0		9.8
38	2453403020111	Lâm Xuân Yên	11/08/2009			8	8	7.0	9.0			10.0		9.2

Châu Đốc, ngày 13 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thúy Ngọc